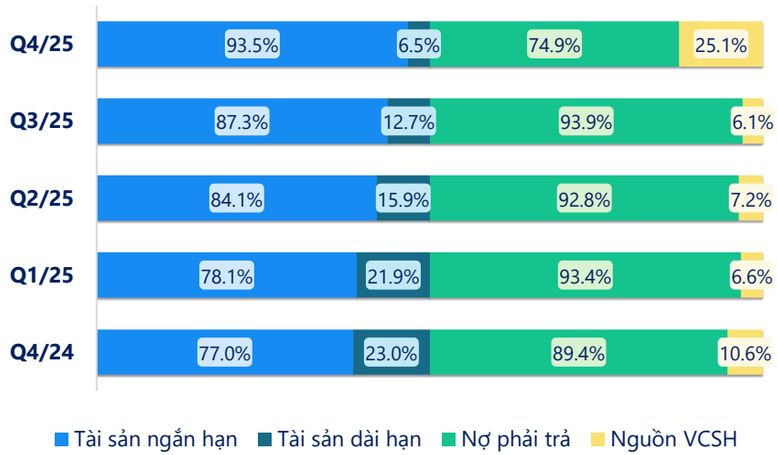
CTCP Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh (HNX: PTD)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	8,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	10,300
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,400
SL cổ phiếu LH	19,999,933
KLGD BQ 20 phiên (CP)	180
% sở hữu nước ngoài	1.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	160
P/E	88.5
EPS	90

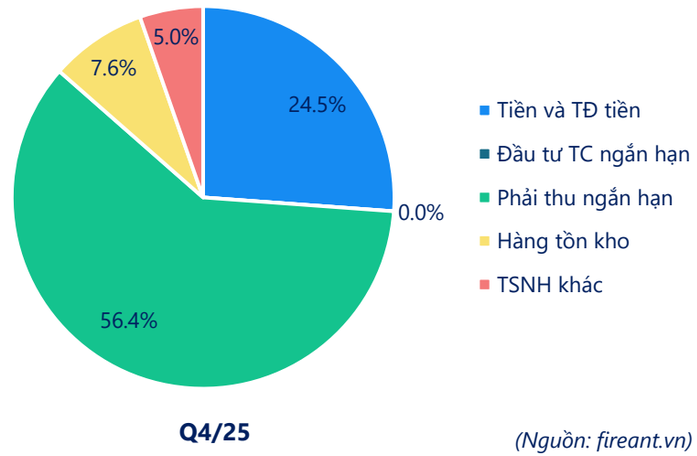
	YTD	1T	3T	6T
PTD	-5.9%	1.3%	14.3%	17.6%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



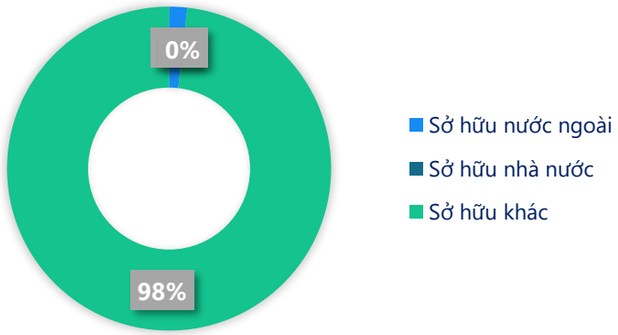
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



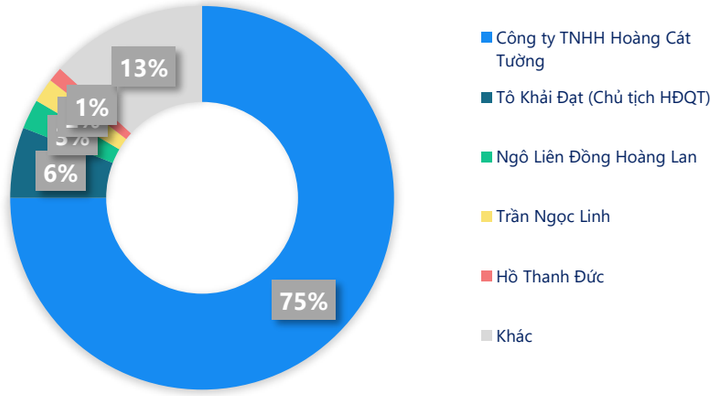
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



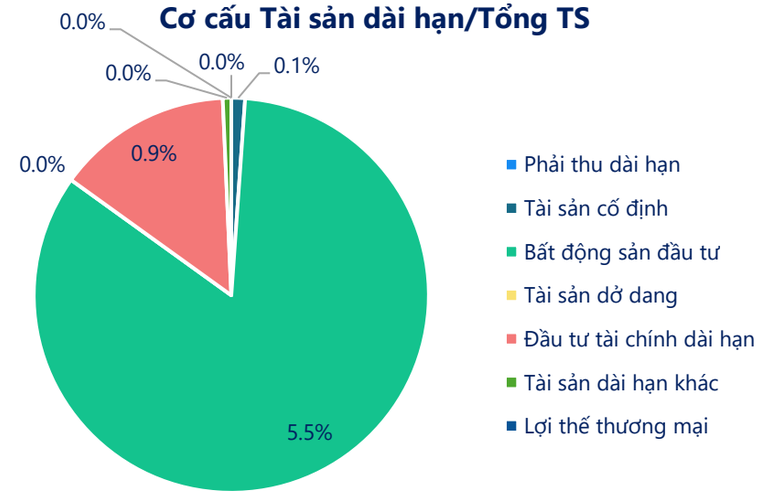
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

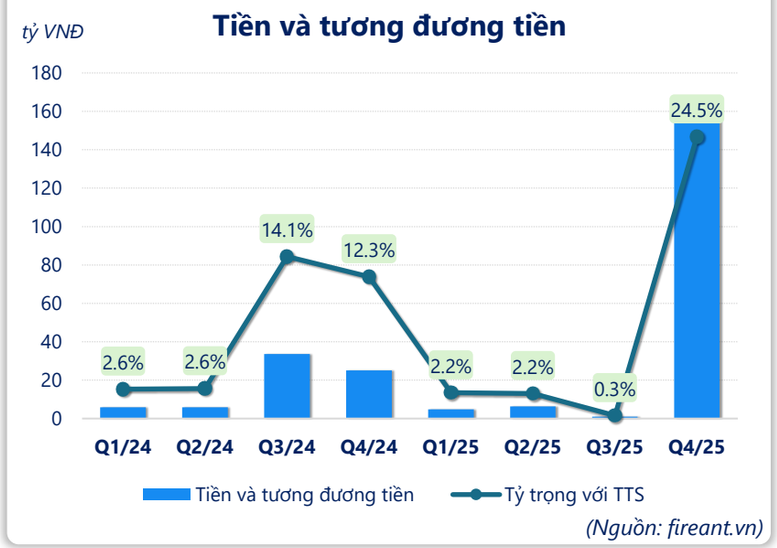


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

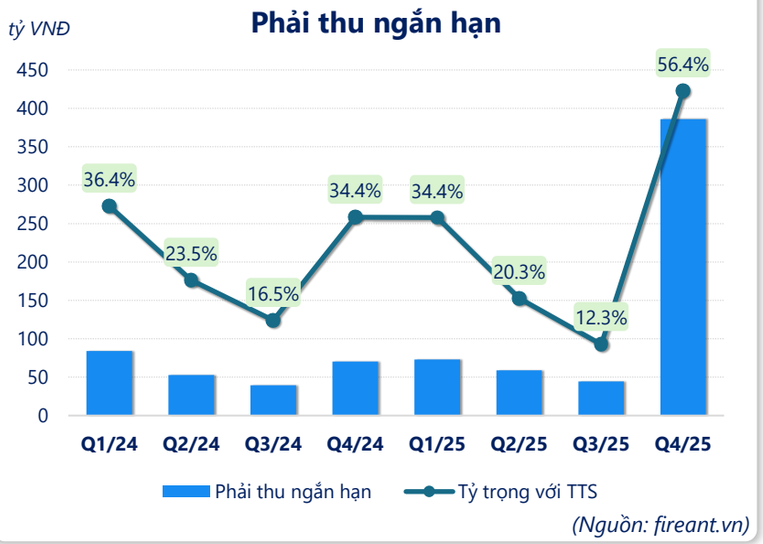
CTCP Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh (HNX: PTD)

Tiền và tương đương tiền



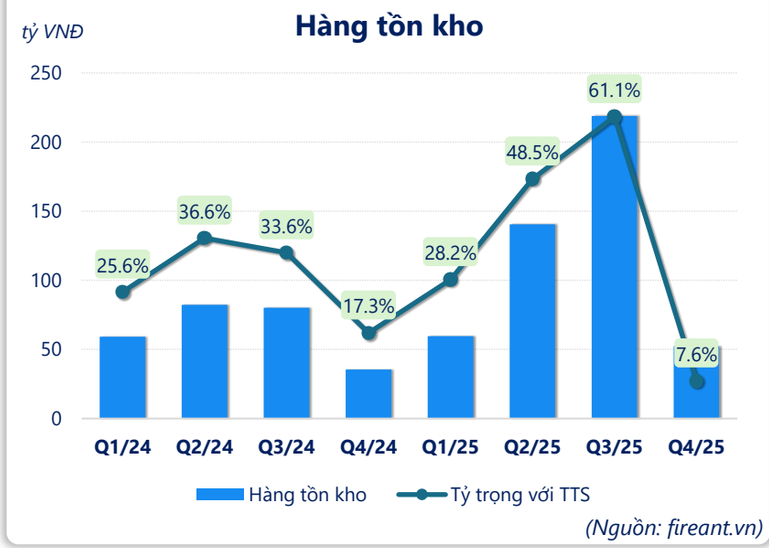
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



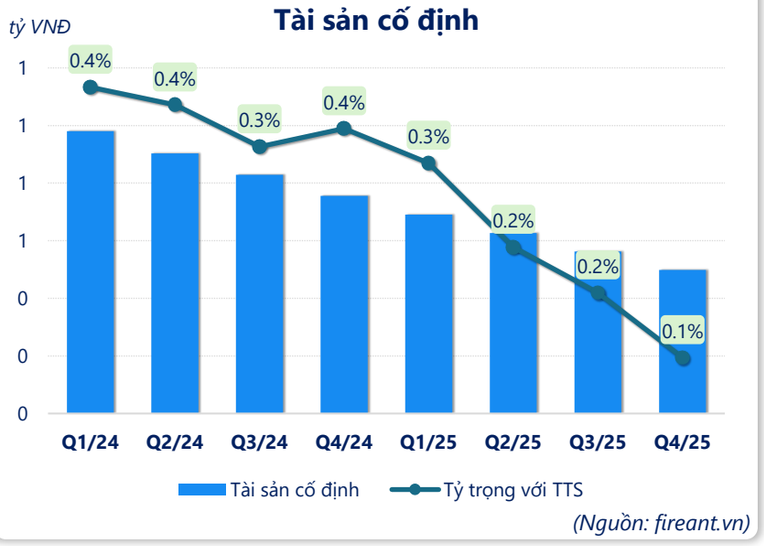
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



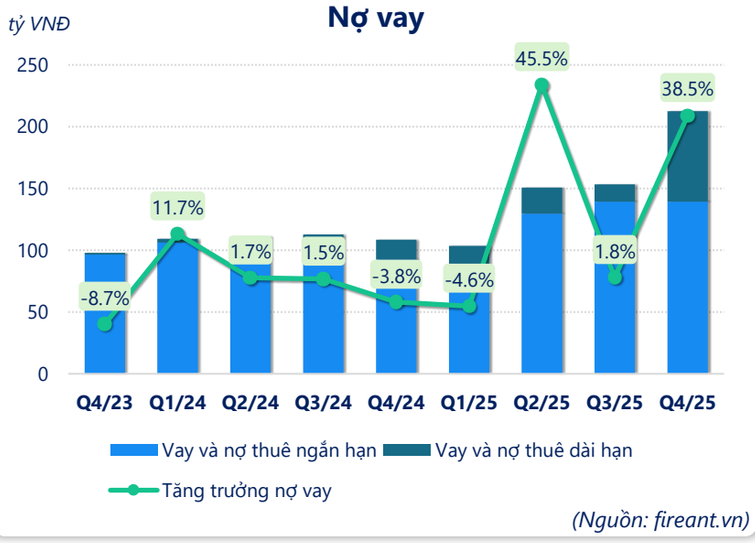
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



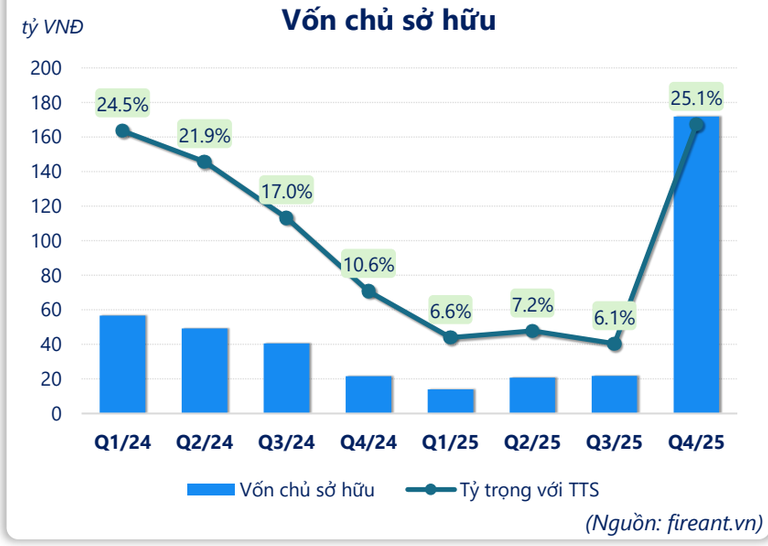
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

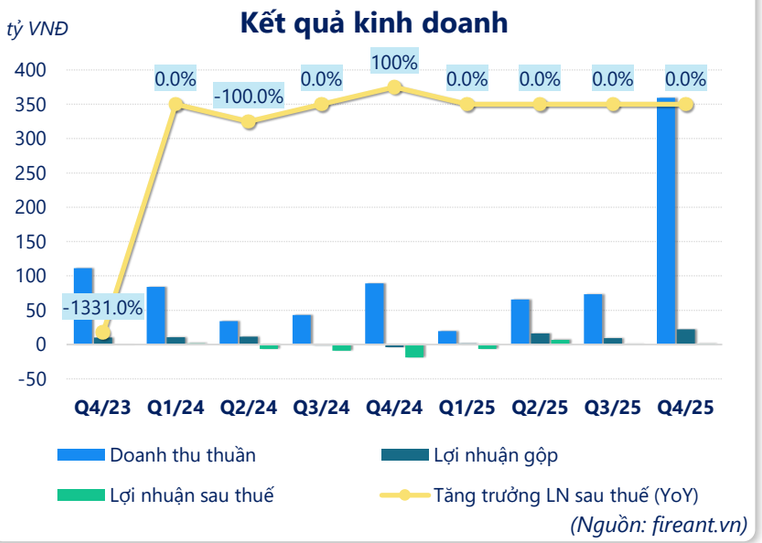


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

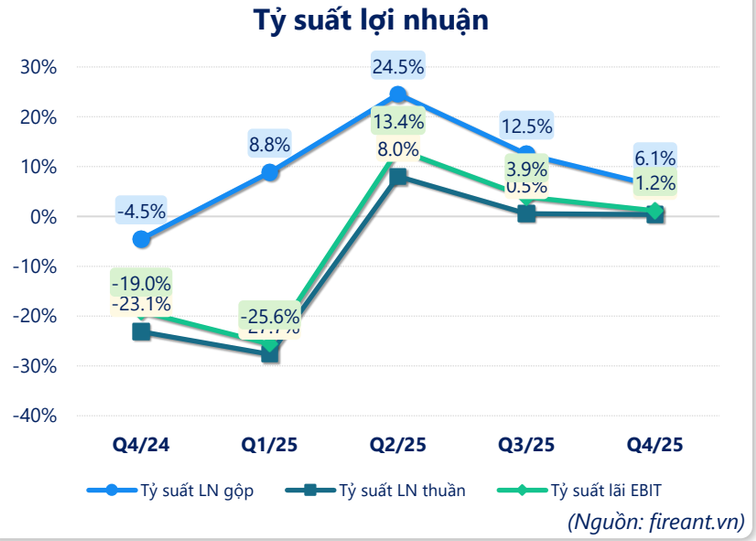
CTCP Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh (HNX: PTD)

Kết quả kinh doanh



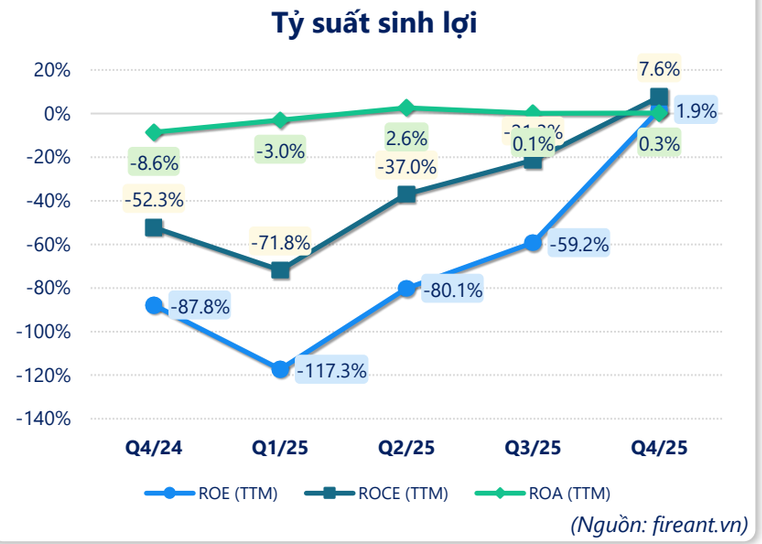
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



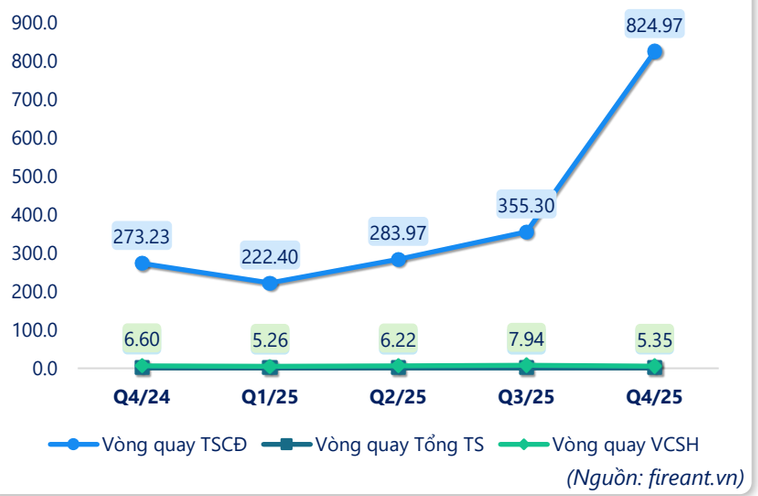
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



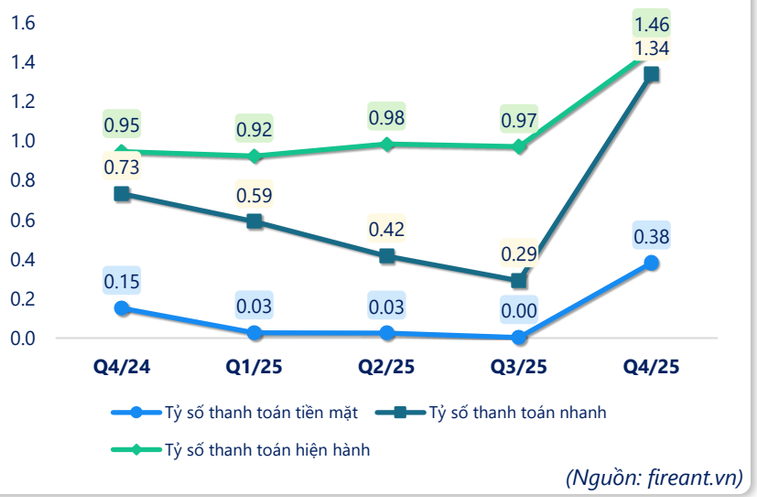
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



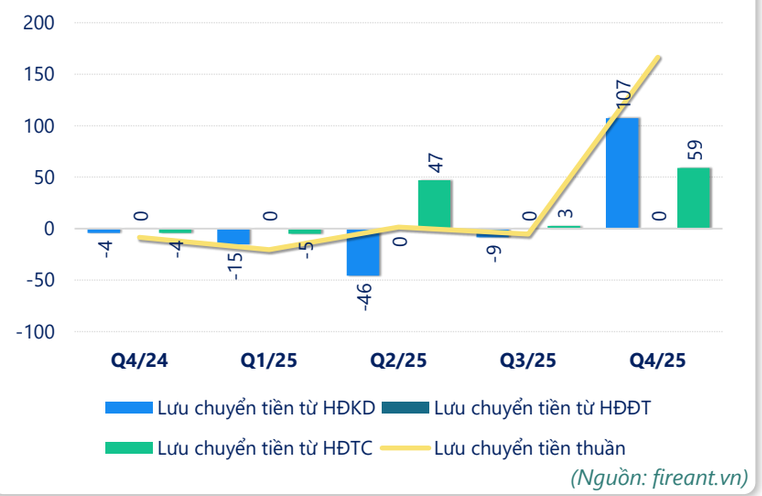
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh (HNX: PTD)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**685**	**204**	**236%**
Tài sản ngắn hạn	640	157	309%
Tiền và tương đương tiền	167	25.1	566%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	386	69.9	453%
Hàng tồn kho	52.3	35.4	47.9%
Tài sản ngắn hạn khác	34.3	26.3	30.5%
Tài sản dài hạn	**44.6**	**46.9**	**-5.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.50	0.76	-34.1%
Bất động sản đầu tư	37.4	39.4	-5.1%
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	6.41	6.44	-0.5%
Tài sản dài hạn khác	**0.31**	**0.40**	**-21.8%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	513	183	180%
Nợ ngắn hạn	**439**	**167**	**164%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	139	92.5	50.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	122	55.3	121%
Nợ dài hạn	73.7	16.4	349%
Vay và nợ thuê dài hạn	73.1	16.1	355%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**172**	**20.6**	**734%**
Vốn chủ sở hữu	**172**	**20.6**	**734%**
Vốn điều lệ	200	50.0	300%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	88.9	19.7	65.5	73.1	359
Giá vốn hàng bán	93.0	17.9	49.5	64.0	337
Lợi nhuận gộp	-4.03	1.74	16.1	9.12	22.0
Doanh thu HĐTC	0.02	0.02	0.08	0.08	0.12
Chi phí TC	1.81	1.67	2.30	2.57	3.21
Chi phí lãi vay	2.01	1.59	2.03	2.49	2.88
LN trong công ty LKLD	0	0	0.19	0	0
Chi phí bán hàng	0.64	0.49	0.83	1.09	1.20
Chi phí QLDN	14.1	5.05	7.95	5.14	16.3
LN thuần từ HĐKD	-20.6	-5.44	5.27	0.40	1.35
Lợi nhuận khác	1.62	-1.18	1.50	-0.04	-0.04
LN trước thuế	-18.9	-6.63	6.77	0.36	1.31
Lợi nhuận sau thuế	-18.9	-6.63	6.77	0.36	1.31
LNST của CĐ cty mẹ	-18.9	-6.63	6.77	0.36	1.31

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-4.13	-15.4	-45.5	-8.50	107
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.02	0.02	0.00	0.36	0.12
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-4.25	-5.04	47.1	2.76	59.0
Tiền đầu kỳ	33.6	25.1	4.74	6.31	0.94
Lưu chuyển tiền thuần	**-8.36**	**-20.4**	**1.57**	**-5.38**	**166**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.00	0	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	25.1	4.74	6.31	0.94	167

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic